TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2116

C71.206

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21QKDA
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 21/6/2022
Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	112221083	Huỳnh Hồng	Nhiên	17/01/2003	Nữ	9.3	3.6	6.5	004	Nhiên		3.6
2	112221125	Phan Thị Anh	Thư	12/08/2003	Nữ	9.3	3.8	6.6	005			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 2
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 2
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 2
Tổng số tờ: 2

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2116

D71 114

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21QKDC

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 21/6/2022

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	112221153	Phạm Như	Bình	09/01/2003	Nữ	9.5	3.0	6.3	001			
2	112221154	Nguyễn Thị Minh	Thư	24/07/2002	Nữ	9.5	5.8	7.7	002			
3	112221155	Thạch Quang	Vinh	18/11/2003	Nam	8.0	2.8	5.4	003			
4	112221165	Võ Minh	Luân	28/10/2003	Nam	9.5	4.0	6.8	004			
5	112221174	Nguyễn Hoàng	Khoa	26/03/2003	Nam	9.3	5.2	7.3	005			
6	112221176	Trần Thị Thủy	Tiên	26/08/2003	Nữ	9.5	5.6	7.6	006			
7	112221177	Võ Phúc Thụy Hoàng	Yến	28/04/2003	Nữ	9.5	5.8	7.7	007			
8	112221179	Lê Thị Ngọc	Trân	07/11/2003	Nữ	9.5	4.0	6.8	008			
9	112221190	Phạm Hồng	Thái	18/02/2003	Nam	9.5	5.6	7.6	009			
10	112221194	Lý Thị Ni	Đa	16/09/2002	Nữ	9.3	5.4	7.4	010			
11	112221201	Ngô Quang	Tín	20/11/2003	Nam	9.0	4.6	6.8	011			
12	112221203	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	17/12/2003	Nữ	9.5	6.6	8.1	012			
13	112221231	Nguyễn Võ Thế	Anh	29/03/2003	Nam	9.5	5.4	7.5	013			
14	112221234	Phạm Thị Thanh	Trúc	05/02/2003	Nữ	9.5	4.6	7.1	014			
15	112221235	Nguyễn Hoàng	Hiếu	21/05/2003	Nam	9.0	5.4	7.2	015			
16	112221237	Nguyễn Văn	Nguyên	15/08/2003	Nam	9.5	6.6	8.1	016			
17	112221246	Đặng Thành	Hiếu	30/11/2003	Nam	9.0	5.6	7.3	017			
18	112221258	Ngô Chí	Nguyên	14/02/2003	Nam	8.0	—	—				Vắng
19	112221259	Mai Huỳnh	Nhân	02/03/2003	Nam	9.0	5.6	7.3	019			
20	112221276	Lê Thu	Hà	24/08/2003	Nữ	9.5	5.0	7.3	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: ..... %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Lê Văn Kết

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: .....

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

21/6

C71.206

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21QKDC

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 21/6/2022

Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	112221277	Lê Thị Hồng	Thắm	31/07/2003	Nữ	9.5	5.0	7.3	006			
2	112221279	Lâm Nhựt	Nam	27/11/2003	Nam	8.7	4.4	6.6	007			
3	112221280	Nguyễn Ngọc Minh	Thơ	07/06/2003	Nữ	9.3	4.8	7.1	008			
4	112221289	Nguyễn Thị Trúc	Phương	04/03/2003	Nữ	9.5	5.8	7.7	009			
5	112221293	Lý Thị Chúc	Linh	17/07/2003	Nữ	9.5	5.8	7.7	010			
6	112221310	Nguyễn Anh	Thư	25/12/2003	Nữ	9.5	4.4	7.0	011			
7	112221317	Đoàn Thị Phước	Thảo	20/12/2003	Nữ	9.5	5.0	7.3	012			
8	112221319	Trương Anh	Lộc	27/01/2003	Nam	9.5	5.2	7.4	013			
9	112221324	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	27/09/2002	Nam	8.0	4.6	6.3	014			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 9

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 9

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 9

Tổng số tờ: 9

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

21/6
C71 206

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (70 -)/CA21MNB
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 21/6/2022
Phòng thi: C71 206

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	214221105	Huỳnh Thị Yến	Nhi	03/02/2001	Nữ	9.5	4.0	6.8	001			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 1
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 1
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 1
Tổng số tờ: 1

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn La

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

21/6
C71.206

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21MNB
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 21/6/2022
Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114221064	Kim Thị Ngọc	Sang	10/09/2003	Nữ	9.3	4.0	6.7	002	Sang		
2	114221170	Thạch Thị Bích	Ngân	17/12/2003	Nữ	9.3	3.8	6.6	003	Ngân		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 2
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 2
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 2
Tổng số tờ: 2

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 8 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

1316
D71.103

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21TCNHB
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 13/6/2022
Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114521068	Đoàn Hồng	Ngọc	14/10/2003	Nữ	9.0	5.0	7.0	001			
2	114521069	Từ Hà Nhật	Tân	29/01/2003	Nam	9.5	—	—				Vắng
3	114521072	Nguyễn Thị Ngọc	Thiện	18/11/2003	Nữ	9.5	5.0	7.0	003			
4	114521075	Nguyễn Thị Mọng	Thùy	12/07/2003	Nữ	9.0	5.0	7.0	004			
5	114521076	Võ Thị Kiều	Oanh	01/11/2001	Nữ	9.0	3.8	6.4	005			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04
Tổng số tờ: 04

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Kết

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

1316

D71.104

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21TCNHB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 13 / 6 / 22

Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114521078	Lê Tiểu	My	02/08/2002	Nữ	9.5	5.8	7.4	001			
1	114521083	Nguyễn Hồng	Ngọc	13/02/2003	Nữ	9.0	3.6	6.3	002			
3	114521086	Phan Thị Mỹ	Huyền	15/03/2002	Nữ	9.3	4.8	7.1	003			
4	114521089	Huỳnh Thanh	Ngân	14/08/2002	Nữ	/	/	/	/			vắng
5	114521091	Trần Thái	Nhân	12/11/2003	Nam	9.0	3.8	6.4	005			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 11 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Trần Phước Hữu

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

1316

D71 105

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21TCNHB
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 13 / 06 / 2022
Phòng thi: D71 105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114521093	Ngô Thanh	Thủy	07/06/2003	Nữ	9.5	4.2	6.9	001	Thuỷ		
2	114521106	Dương Gia	Trưởng	23/11/2003	Nam	9.5	4.6	7.1	002			
3	114521112	Nguyễn Ngọc	Thư	17/12/2003	Nữ	9.5	4.0	6.8	003			
4	114521115	Ngô Ngọc	Duyên	22/05/2003	Nữ	9.0	3.6	6.3	004			
5	114521117	Đỗ Thanh	Hương	27/04/2003	Nữ	9.3	3.6	6.5	005			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 5
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 5
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 5
Tổng số tờ: 5

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: N. Nguyễn T Hồ Vũ

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

1316

D71 106

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21TCNHB
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 13 / 06 / 2022
Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114521118	Ngô Thị Thiên	Kim	28/10/2003	Nữ	9.3	4.4	6.9	001			
2	114521120	Trần Ngọc Bảo	Nghi	06/10/2003	Nữ	9.3	3.6	6.5	002			
3	114521122	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	02/12/2003	Nữ	9.0	—	—				
4	114521126	Huỳnh Thị Ngọc	Nhi	25/11/2003	Nữ	9.5	3.8	6.7	004			
5	114521128	Nguyễn Như	Anh	15/09/2003	Nữ	9.5	4.6	7.1	005			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Thuần

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

21/6

C71.206

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21TCNHB
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: T.N
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 21/6/2022
Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114521134	Trần Thảo	Quyên	24/03/2003	Nữ	9.3	5.0	7.2	015	Quyên		
2	114521140	Thái Thị Tường	Vi	29/11/2003	Nữ	9.5	3.8	6.7	016	Tường Vi		
3	114521144	Đặng Thị Hồng	Thúy	11/03/2003	Nữ	9.3	6.6	8.0	017	Thúy		
4	114521146	Trần Bích	Trân	15/10/2003	Nữ	9.5	4.8	7.2	018	Trân		
5	114521147	Âu Thành	Phát	16/07/2003	Nam	9.5	3.8	6.7	019	Phát		
6	114521148	Trần Vũ	Trường	13/08/2003	Nam	9.5	3.4	6.5	020	Trường		
7	114521149	Nguyễn Ngọc	Yến	19/11/2003	Nữ	9.3	2.8	6.1	021	Yến		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 7
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 7
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 7
Tổng số tờ: 7

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 57%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

1316

D71.108

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21MNC

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 13/6/2022

Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114221046	Nguyễn Thị Diễm	Thơ	09/06/2003	Nữ	9.5	5.8	7.8	001			
2	114221050	Võ Thị Anh	Thư	09/04/2003	Nữ	8.7	5.4	8.1	002			
3	114221051	Trần Anh	Thư	14/04/2001	Nữ	9.5	4.8	7.2	003			
4	114221052	Nguyễn Trần Minh	Thư	12/12/2003	Nữ	9.5	4.8	7.2	004			
5	114221054	Lâm Thị Thanh	Ngân	11/07/2003	Nữ	9.5	4.2	6.9	005			
6	114221055	Huỳnh Quế	Trân	21/04/2003	Nữ	9.5	6.0	7.8	006			
7	114221058	Kiên Thị Khòne	Thi	19/10/2003	Nữ	9.5	5.2	7.4	007			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Phan Hồng Sang

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

1316

D71.107

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21MNC

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 13/6/2022

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114221202	Lư Hoàng	Mi	10/01/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
2	114221204	Võ Thị Minh	Thư	04/11/2003	Nữ	9.3	6.2	7.8	002			
3	114221206	Tăng Thúy	Ngoan	19/01/2003	Nữ	9.5	5.2	7.4	003			
4	114221207	Nguyễn Ngọc Thảo	Trân	14/05/2003	Nữ	9.3	4.8	7.1	004			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:.....

Điểm QT:.....%; Điểm KT:.....%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Duy Trung

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2116
C71.206

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21THA
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 21/6/2022
Phòng thi: C71.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114321010	Trần Thị Thanh	Chúc	21/07/2003	Nữ	9.5	4.8	7.2	022	Chúc		
2	114321012	Nguyễn Thị Kim	Cương	22/09/2003	Nữ	9.5	4.4	7.0	023	Cương		
3	114321017	Kim Thị	Diệu	29/01/2003	Nữ	9.5	3.8	6.7	024	Thiệu		
4	114321043	Kim Thị Cẩm	Li	04/10/2003	Nữ	9.5	3.8	6.7	025	Li		
5	114321045	Lê Thị Ngọc	Linh	18/10/2003	Nữ	9.5	4.6	7.1	026	Linh		
6	114321056	Mạch Tuyết	Ngân	15/09/2003	Nữ	9.5	4.2	6.9	027	Ngân		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 6
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 6
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 6
Tổng số tờ: 6

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2316

D71 109

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21THA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 23/6/2022

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114321057	Phan Phùng Mỹ	Ngân	15/07/2003	Nữ	9.5	4.8	7.2	021	Ngân		
2	114321062	Sơn Thị Ái	Nhi	08/02/2003	Nữ	9.3	4.4	6.9	022	Nhi		
3	114321067	Lâm Lan	Như	29/11/2003	Nữ	—	\	\	\	\		Vắng
4	114321068	Lâm Phương	Như	29/11/2003	Nữ	—	\	\	\	\		Vắng
5	114321074	Nguyễn Thị Duy	Phúc	16/02/2003	Nữ	9.5	4.2	6.9	025	Phúc		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Lê Thị Thùy Dương

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2316

D71 110

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21THA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 23 / 6 / 2022

Phòng thi: D71 110

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114321075	Hồ Hoàng	Phụng	05/08/2003	Nữ	9.5	5.2	7.4	018			
2	114321082	Huỳnh Việt	Quang	14/10/2003	Nam	9.5	3.0	6.3	019			
3	114321102	Nguyễn Minh	Toàn	15/07/2000	Nam	9.5	4.6	7.1	020			
4	114321120	Âu Thành	Trung	02/01/2003	Nam	9.5	4.2	7.2	021			
5	114321130	Lương Thanh	Xuân	02/10/2003	Nữ	9.5	5.0	7.3	022			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Vĩnh Nghiệp

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

Ngày in : 01/06/2022 13:59

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

2316
D71.111

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ: 2
Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21THA
CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 23/6/2022
Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114321138	Huỳnh Thị Mỹ	Thi	21/11/2003	Nữ	9.5	5.8	7.7		Mỹ Thi		
2	114321139	Lưu Thị Mai	Hương	27/02/2003	Nữ	9.5	5.8	7.7		Hương		
3	114321142	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/09/2003	Nữ	9.5	3.4	6.5		Trang		
4	114321162	Lê Văn	Thanh	07/11/2003	Nam	9.5	4.2	6.9		Thanh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Dũng Phú

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

2116

D71.114

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (70 -)/DA21THA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 21/6/2022

Phòng thi: D71114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114321187	Danh Thị Bích	Trân	04/06/2003	Nữ	9.5	6.2	7.9	021			
2	114321257	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	11/04/2002	Nữ	9.5	6.2	7.9	022			
3	114321279	Nguyễn Minh	Mẫn	20/10/2003	Nam	9.5	5.6	7.6	023			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03.

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03.

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Kết

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn Ca

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 22 tháng 6 năm 2*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, lớp DA21QKDC phòng C71.206, buổi Tối ngày 21/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Gh
1	112221083	Huỳnh Hồng Nhiên	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_004	DA21QKDA	18	3.6	
2	112221125	Phan Thị Anh Thư	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_005	DA21QKDA	19	3.8	
3	112221277	Lê Thị Hồng Thắm	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_006	DA21QKDC	25	5	
4	112221279	Lâm Nhựt Nam	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_007	DA21QKDC	22	4.4	
5	112221280	Nguyễn Ngọc Minh Thơ	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_008	DA21QKDC	24	4.8	
6	112221289	Nguyễn Thị Trúc Phương	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_009	DA21QKDC	29	5.8	
7	112221293	Lý Thị Chúc Linh	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_010	DA21QKDC	29	5.8	
8	112221310	Nguyễn Anh Thư	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_011	DA21QKDC	22	4.4	
9	112221317	Đoàn Thị Phước Thảo	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_012	DA21QKDC	25	5	
10	112221319	Trương Anh Lộc	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_013	DA21QKDC	26	5.2	
11	112221324	Nguyễn Trần Đăng Khoa	2002	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_014	DA21QKDC	23	4.6	
12	114221064	Kim Thị Ngọc Sang	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_002	DA21MNB	20	4	
13	114221170	Thạch Thị Bích Ngân	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_003	DA21MNB	19	3.8	
14	114321010	Trần Thị Thanh Chúc	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_022	DA21THA	24	4.8	
15	114321012	Nguyễn Thị Kim Cương	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_023	DA21THA	22	4.4	
16	114321017	Kim Thị Diệu	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_024	DA21THA	19	3.8	
17	114321043	Kim Thị Cẩm Li	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_025	DA21THA	19	3.8	
18	114321045	Lê Thị Ngọc Linh	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_026	DA21THA	23	4.6	
19	114321056	Mạch Tuyết Ngân	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_027	DA21THA	21	4.2	
20	114521134	Trần Thảo Quyên	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_015	DA21TCNHB	25	5	
21	114521140	Thái Thị Tường Vi	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_016	DA21TCNHB	19	3.8	
22	114521144	Đặng Thị Hồng Thúy	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_017	DA21TCNHB	33	6.6	
23	114521146	Trần Bích Trân	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_018	DA21TCNHB	24	4.8	
24	114521147	Âu Thành Phát	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_019	DA21TCNHB	19	3.8	

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Gh
25	114521148	Trần Vũ Trường	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_020	DA21TCNHB	17	3.4	
26	114521149	Nguyễn Ngọc Yến	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_021	DA21TCNHB	14	2.8	
27	214221105	Huỳnh Thị Yến Nhi	2001	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-C71.206-T210622_001	CA21MNB	20	4	

Số lượng thí sinh trên danh sách:……

Số lượng thí sinh dự thi :……

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 22 tháng 6 năm 2022*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, lớp DA21QKDC phòng D71.114, buổi Tối ngày 21/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	112221153	Phạm Như Bình	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_001	DA21QKDC	15	3	
2	112221154	Nguyễn Thị Minh Thư	2002	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_002	DA21QKDC	29	5.8	
3	112221155	Thạch Quang Vinh	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_003	DA21QKDC	14	2.8	
4	112221165	Võ Minh Luân	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_004	DA21QKDC	20	4	
5	112221174	Nguyễn Hoàng Khoa	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_005	DA21QKDC	26	5.2	
6	112221176	Trần Thị Thủy Tiên	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_006	DA21QKDC	28	5.6	
7	112221177	Võ Phúc Thụy Hoàng Yến	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_007	DA21QKDC	29	5.8	
8	112221179	Lê Thị Ngọc Trân	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_008	DA21QKDC	20	4	
9	112221190	Phạm Hồng Thái	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_009	DA21QKDC	28	5.6	
10	112221194	Lý Thị Ni Đa	2002	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_010	DA21QKDC	27	5.4	
11	112221201	Ngô Quang Tín	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_011	DA21QKDC	23	4.6	
12	112221203	Nguyễn Ngọc Anh Thư	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_012	DA21QKDC	33	6.6	
13	112221231	Nguyễn Võ Thế Anh	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_013	DA21QKDC	27	5.4	
14	112221234	Phạm Thị Thanh Trúc	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_014	DA21QKDC	23	4.6	
15	112221235	Nguyễn Hoàng Hiếu	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_015	DA21QKDC	27	5.4	
16	112221237	Nguyễn Văn Nguyên	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_016	DA21QKDC	33	6.6	
17	112221246	Đặng Thành Hiếu	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_017	DA21QKDC	28	5.6	
18	112221258	Ngô Chí Nguyên	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_018	DA21QKDC	0	0	
19	112221259	Mai Huỳnh Nhân	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_019	DA21QKDC	28	5.6	
20	112221276	Lê Thu Hà	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_020	DA21QKDC	25	5	
21	114321187	Danh Thị Bích Trân	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_021	DA21THA	31	6.2	
22	114321257	Nguyễn Thị Tuyết Loan	2002	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_022	DA21THA	31	6.2	
23	114321279	Nguyễn Minh Mẫn	2003	LLCT-KTCTM-L-DA21QKDC-D71.114-T210622_023	DA21THA	28	5.6	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2